

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM ĐẠI HỌC NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Chính quy)

(kèm theo Quyết định số 3151/QĐ-HVN ngày 25/6/2025)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Học viện Nông nghiệp Việt Nam
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** HVN
- 3. Địa chỉ các trụ sở:** Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội
- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** www.vnua.edu.vn;
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 024.6261.7578 hoặc 0961.926.639 / 0961.926.939
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh:** <https://vnua.edu.vn/quy-che-tuyen-sinh-dai-hoc>
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo:** <https://www.vnua.edu.vn/3-cong-khai>, www.vnua.edu.vn

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC, TUYỂN SINH CAO ĐẲNG NGÀNH GIÁO DỤC MẦM NON

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển: Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương đủ điều kiện xét tuyển học đại học theo quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT và Đề án tuyển sinh của Học viện.

2. Mô tả phương thức tuyển sinh

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Học viện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển các nhóm đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện nhận vào học có điều kiện đối với những trường hợp dưới đây:

(1) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ hoặc thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ hoặc thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được nhận vào học các ngành thuộc

nhóm ngành Nông nghiệp và Thủy sản và các nhóm ngành khác khi có học lực đạt loại khá ít nhất 1 năm tại các trường THPT.

(2) Thí sinh là người nước ngoài hoặc thí sinh tốt nghiệp THPT ở nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt (hoặc Tiếng Anh đối với các chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh) đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội

Thí sinh có kết quả học tập THPT ít nhất 1 học kỳ được xếp loại giỏi (đánh giá mức tốt), đồng thời kết quả học tập cả năm lớp 12 được xếp loại khá (đánh giá mức khá) trở lên, và có thêm một trong các thành tích vượt trội sau đây:

(1) Đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi, thi khoa học kỹ thuật dành cho học sinh THPT cấp tỉnh, thành phố (Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP);

(2) Kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 6.0 trở lên;

(3) Kết quả kỳ thi SAT đạt từ 1200 điểm trở lên;

(4) Kết quả kỳ thi ACT đạt từ 25 điểm trở lên;

(5) Kết quả thi Kiến thức công nghệ và Khởi nghiệp sáng tạo VNUA 2025 đạt từ 85 điểm trở lên;

Đối với các thành tích vượt trội (2), (3), (4) được cấp trong vòng 02 năm tính đến ngày 01/6/2025.

*** Nguyên tắc ưu tiên xét trúng tuyển**

Thí sinh đạt danh hiệu học sinh giỏi cấp THPT được lựa chọn một trong năm thành tích vượt trội trên để đăng ký xét tuyển. Mỗi thí sinh được đăng ký tối đa hai nguyện vọng, tương ứng với hai nhóm ngành đào tạo khác nhau. Thí sinh đạt các tiêu chí về kết quả học tập THPT và đạt 1 trong 5 thành tích vượt trội trên sẽ được tuyển thẳng. Trong trường hợp số lượng thí sinh đăng ký vượt quá chỉ tiêu theo quy định, Học viện sẽ xét tuyển theo điểm quy đổi từ các thành tích vượt trội, theo nguyên tắc từ cao xuống thấp. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng mức điểm quy đổi, sẽ áp dụng lần lượt theo thứ tự ưu tiên của các nhóm thành tích vượt trội (1), (2), (3), (4), (5). Mức điểm quy đổi tương ứng với từng loại thành tích vượt trội được quy định như sau:

Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP	Điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS	SAT	ACT	Điểm kỳ thi KTCN và KNST VNUA 2025	Điểm quy đổi
Giải Ba	6	1200 - 1300	25 - 27	85 - 89	1
Giải Nhì	6.5	1301 - 1400	28 - 30	90 - 94	2
Giải Nhất	7.0 trở lên	1401 - 1600	30 - 36	95 trở lên	3

2.3. Phương thức 3: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (theo quy định, lịch trình của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của Học viện)

a) *Điều kiện xét tuyển:* Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi (môn thi) với thang điểm 10 theo tổ hợp xét tuyển (trong đó môn 1 nhân hệ số 2, tổng điểm được quy về thang điểm 30) cộng điểm thưởng (nếu có) và cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định. Mức chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là không điểm. Học viện sẽ công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025.

b) *Cách tính điểm xét tuyển:*

Điểm xét tuyển = (Điểm thi môn 1 * 2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3) + Điểm thưởng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

- (Điểm thi môn 1 * 2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3) được quy đổi về thang điểm 30 trước khi cộng điểm thưởng và điểm ưu tiên;

Đối với các tổ hợp xét tuyển có môn thi tiếng Anh:

(1) Nếu thí sinh không tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 nhưng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS thì được quy đổi điểm để tham gia xét tuyển bằng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 như sau:

Bảng quy đổi điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.0 trở lên thành điểm xét tuyển THPT

TT	Điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS	Điểm quy đổi chứng chỉ tiếng Anh
1	5.0	8.0
2	5.5	9.0
3	6.0 trở lên	10

(2) Nếu thí sinh tham gia thi môn tiếng Anh trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS thì Học viện sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT và Điểm thưởng được quy đổi từ kết quả thi chứng chỉ IELTS để xét tuyển. Thí sinh xem chi tiết về quy đổi điểm thưởng tại mục 4.5 – Điểm thưởng và điểm ưu tiên.

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả học tập bậc THPT (Xét học bạ)

a) *Điều kiện xét tuyển:*

Điểm xét tuyển là tổng điểm trung bình cả năm lớp 12 theo thang điểm 10 của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển (trong đó môn 1 nhân hệ số 2, tổng điểm được quy về thang điểm 30) cộng điểm thưởng (nếu có) và cộng điểm ưu tiên (nếu có).

b) Cách tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = (ĐTB_{cn} môn 1 * 2 + ĐTB_{cn} môn 2 + ĐTB_{cn} môn 3) + Điểm thưởng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có).

Trong đó:

- ĐTB_{cn} là điểm trung bình cả năm; (ĐTB_{cn} môn 1 * 2 + ĐTB_{cn} môn 2 + ĐTB_{cn} môn 3) được quy đổi về thang điểm 30 trước khi cộng điểm thưởng, điểm ưu tiên;

c) Nguyên tắc xét tuyển

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo nhóm ngành với tối đa 02 nguyện vọng (NV) tương ứng 02 nhóm ngành đào tạo; Thí sinh trúng tuyển có điểm xét tuyển lớn hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển theo mức từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu hoặc chỉ tiêu còn lại của từng nhóm ngành của phương thức này. Đối với các thí sinh có điểm bằng nhau xét tuyển ở cuối danh sách thì xét theo thứ tự ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Mức chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là không điểm. Thí sinh trúng tuyển NV1 sẽ không được xét tuyển NV2. Thí sinh không trúng tuyển vào NV2 đã đăng ký thì tiếp tục được xét tuyển vào các nhóm ngành khác khi còn chỉ tiêu. Thí sinh có thể được xem xét chuyển ngành trong thời gian học tập theo quy định.

2.5. Điểm thưởng và điểm ưu tiên

- Đối với thí sinh có thành tích nổi bật tại các kỳ thi: Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP; Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS; SAT/ACT/Kiến thức công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo VNUA 2025 sẽ được cộng tối đa 03 điểm vào điểm xét tuyển của phương thức xét tuyển 3 và 4. Bảng quy đổi điểm thưởng như sau:

Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP	Điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS	SAT	ACT	Điểm kỳ thi KTCN và KNST VNUA 2025	Điểm thưởng
-	5.0	800 - 899	13 - 15	65 - 69	1.0
-	-	900 - 999	16 - 18	70 - 74	1.5
Giải khuyến khích	5.5	1000 - 1099	19 - 21	75 - 79	2.0
-	-	1100 - 1199	22 - 24	80 - 84	2.5
Từ giải ba trở lên	6.0 trở lên	1200 điểm trở lên	25 điểm trở lên	85 trở lên	3.0

Đối với thí sinh sử dụng kết quả IELTS để quy đổi thành điểm xét tuyển thì sẽ không được quy đổi thành điểm thưởng để cộng với điểm xét tuyển.

- Công thức tính Tổng điểm đạt được của phương thức 3, trước khi cộng điểm ưu tiên tuyển sinh như sau: “Tổng điểm đạt được = (Điểm thi môn 1 * 2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3) quy về thang điểm 30 + Điểm thưởng (nếu có)”.

- Công thức tính Tổng điểm đạt được của phương thức 4, trước khi cộng điểm ưu tiên tuyển sinh như sau: “Tổng điểm đạt được = (ĐTB_{cn} môn 1 * 2 + ĐTB_{cn} môn 2 + ĐTB_{cn} môn 3) quy về thang điểm 30 + Điểm thưởng (nếu có).”

- Tổng điểm đạt được không vượt quá 30 điểm. Trường hợp Tổng điểm đạt được vượt quá 30 điểm thì sẽ chỉ được tính 30 điểm để xét tuyển.

- Điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng là 1,0 điểm và giữa các khu vực kế tiếp là 0,25 điểm.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh có Tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = [(30 - Tổng điểm đạt được)/7,5] x Mức điểm ưu tiên quy định

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

3. Quy tắc quy đối tượng đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Quy đối ngưỡng đầu vào:

Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng của khối ngành Sư phạm được thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT đối với tất cả các phương thức xét tuyển.

- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đối với nhóm ngành Luật: Tổng điểm xét tuyển tối thiểu đạt 60% điểm đánh giá tối đa của thang điểm và điểm môn Ngữ văn đạt tối thiểu là 6 điểm trở lên.

3.2. Quy đối điểm trúng tuyển:

Học viện sẽ công bố theo kế hoạch chung của Bộ GD&ĐT, thời gian công bố muộn nhất cùng thời gian công bố ngưỡng bảo đảm chất lượng đầu vào.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1	Thú y				765		

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1.1	HVN01	Thú y	7640101	Thú y	765	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (B00, A00, D07, A01, X07, X08, D01, C03, C04, X01)	Ngành Thú y
2	Nông, lâm nghiệp và thủy sản				461		
2.1	HVN02	Chăn nuôi thú y - Thủy sản	7620106	Chăn nuôi thú y	270	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (B00, A00, D07, A01, X03, X04, D01, C03, C04, X01)	Gồm các ngành : Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản (Thú y thủy sản)
2.2	HVN03	Nông nghiệp và Cảnh quan	7620110	Khoa học cây trồng	191	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, B00, C03, C04, D01, D07, X01, X07, X08)	Gồm các ngành: Khoa học cây trồng, KHCT (Dạy bằng tiếng Anh), Bảo vệ thực vật, Nông nghiệp công nghệ cao, Công nghệ RHQ và cảnh quan, Kinh tế nông nghiệp, KTNN (Dạy bằng tiếng Anh), Khoa học đất
3	Công nghệ kỹ thuật				1770		

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
3.1	HVN04	Công nghệ kỹ thuật ô tô và Cơ điện tử	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	630	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, C01, C02, C03, C04, D01, X01, X07, X08)	Gồm các ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
3.2	HVN07	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1140	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, C01, C02, C03, C04, D01, X01, A07)	Ngành : Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
4	Kỹ thuật				485		
4.1	HVN05	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Kỹ thuật cơ khí	150	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, C01, C02, C03, C04, D01, X01, X07, X08)	Ngành : Kỹ thuật cơ khí
4.2	HVN06	Kỹ thuật điện, Điện tử và Tự động hóa	7520201	Kỹ thuật điện	335	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, C01, C02, C03, C04, D01, X01, X07, X08)	Gồm các ngành : Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
5	Kinh doanh và quản lý				2360		

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
5.1	HVN08	Kế toán, Quản trị kinh doanh và Thương mại	7340301	Kế toán	2360	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, X01)	Gồm các ngành: Kế toán, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, QTKD nông nghiệp (Dạy bằng tiếng Anh), Quản lý phát triển nguồn nhân lực, Quản lý và phát triển du lịch, Thương mại điện tử
6	Khoa học sự sống				160		
6.1	HVN09	Công nghệ sinh học và Công nghệ dược liệu	7420201	Công nghệ sinh học	160	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, B00, B02, B08, C03, D01, X07, X08, X13)	Gồm các ngành: Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh học (Dạy bằng tiếng Anh), Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh dược
7	Sản xuất và chế biến				470		
7.1	HVN10	Công nghệ thực phẩm và Chế biến	7540101	Công nghệ thực phẩm	470	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, B00, C03, C04, D01, D07, X01, X07, X08)	Gồm các ngành: Công nghệ thực phẩm, Công nghệ và kinh doanh thực phẩm

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
8	Khoa học xã hội và hành vi				880		
8.1	HVN11	Kinh tế và Quản lý	7310101	Kinh tế	630	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, X01)	Gồm các ngành: Kinh tế tài chính hợp tác với Đại học Massey-New Zealand (Dạy bằng tiếng Anh), Kinh tế, Kinh tế tài chính, KTTC (Dạy bằng tiếng Anh), Kinh tế đầu tư, Kinh tế số, Quản lý kinh tế
8.2	HVN12	Xã hội học	7310301	Xã hội học	250	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (C00, C01, C03, D01, D14, D15, X03, X04, X70, X74)	Ngành: Xã hội học
9	Pháp luật				300		
9.1	HVN13	Luật	7380101	Luật	300	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (C00, C01, C03, D01, D14, D15, X03, X04, X70, X74)	Ngành: Luật (Luật kinh tế)
10	Máy tính và công nghệ thông tin				590		

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
10.1	HVN14	Công nghệ thông tin và Kỹ thuật số	7480201	Công nghệ thông tin	590	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, C01, C02, C03, D01, X02, X03, X04, X07, X08)	Gồm các ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
11	Môi trường và bảo vệ môi trường				320		
11.1	HVN15	Quản lý đất đai, Bất động sản và Môi trường	7850103	Quản lý đất đai	320	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, X01)	Gồm các ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản, Quản lý tài nguyên và môi trường
12	Khoa học tự nhiên				20		
12.1	HVN16	Khoa học Môi trường	7440301	Khoa học môi trường	20	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, B00, C03, C04, D01, D07, X01, X07, X08)	Ngành: Khoa học môi trường
13	Nhân văn				445		
13.1	HVN17	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	445	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A01, D01, D09, D10, D11, D14, D15, X25, X78)	Ngành: Ngôn ngữ Anh

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
14	Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên				30		
14.1	HVN18	Sư phạm Công nghệ	7140246	Sư phạm công nghệ	30	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, B00, C01, C02, C03, D01, X03, X04, X07, X08)	Ngành: Sư phạm Công nghệ
15	Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân				30		
15.1	HVN19	Du lịch	7810101	Du lịch	30	HB - Xét theo kết quả học tập THPT (XHB) KH - Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội (XKH) THPT - Xét theo điểm thi THPT (A00, A01, A07, C01, C02, C03, C04, D01, X01)	Ngành: Du lịch

Ghi chú: Môn 1 là môn có vị trí đầu tiên trong các tổ hợp xét tuyển trên và được nhân hệ số 2 để tính điểm xét tuyển cho tất cả các phương thức; Với các chương trình dạy bằng tiếng Anh, sau khi sinh viên nhập học, Học viện sẽ tiếp tục xét tuyển trong số sinh viên trúng tuyển nhập học từ các ngành có cùng tổ hợp xét tuyển.

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Đối với phương thức xét tuyển 2: Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội

Trong trường hợp số lượng thí sinh đăng ký vượt quá chỉ tiêu theo quy định, Học viện sẽ xét tuyển theo điểm quy đổi từ các thành tích vượt trội, theo nguyên tắc từ cao xuống thấp. Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng mức điểm quy đổi, sẽ áp dụng lần lượt theo thứ tự ưu tiên của các nhóm thành tích vượt trội (1), (2), (3), (4), (5). Mức điểm quy đổi tương ứng với từng loại thành tích vượt trội được quy định như sau:

Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP	Điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS	SAT	ACT	Điểm kỳ thi KTCN và KNST VNUA 2025	Điểm quy đổi
Giải Ba	6	1200 - 1300	25 - 27	85 - 89	1
Giải Nhì	6.5	1301 - 1400	28 - 30	90 - 94	2
Giải Nhất	7.0 trở lên	1401 - 1600	30 - 36	95 trở lên	3

b. Điểm cộng

- Đối với thí sinh có thành tích nổi bật tại các kỳ thi: Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP; Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS; SAT/ACT/Kiến thức công nghệ và khởi nghiệp sáng tạo VNUA 2025 sẽ được cộng tối đa 03 điểm vào điểm xét tuyển của phương thức xét tuyển 3 và 4. Bảng quy đổi điểm thưởng như sau:

Kỳ thi HSG cấp tỉnh, TP	Điểm kết quả thi chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS	SAT	ACT	Điểm kỳ thi KTCN và KNST VNUA 2025	Điểm thưởng
-	5.0	800 - 899	13 - 15	65 - 69	1.0
-	-	900 - 999	16 - 18	70 - 74	1.5
Giải khuyến khích	5.5	1000 - 1099	19 - 21	75 - 79	2.0
-	-	1100 - 1199	22 - 24	80 - 84	2.5
Từ giải ba trở lên	6.0 trở lên	1200 điểm trở lên	25 điểm trở lên	85 trở lên	3.0

Đối với thí sinh sử dụng kết quả IELTS để quy đổi thành điểm xét tuyển thì sẽ không được quy đổi thành điểm thưởng để cộng với điểm xét tuyển.

- Công thức tính Tổng điểm đạt được của phương thức 3, trước khi cộng điểm ưu tiên tuyển sinh như sau: “Tổng điểm đạt được = (Điểm thi môn 1 * 2 + Điểm thi môn 2 + Điểm thi môn 3) quy về thang điểm 30 + Điểm thưởng (nếu có)”.

- Công thức tính Tổng điểm đạt được của phương thức 4, trước khi cộng điểm ưu tiên tuyển sinh như sau: “Tổng điểm đạt được = (ĐTB_{cn} môn 1 * 2 + ĐTB_{cn} môn 2 + ĐTB_{cn} môn 3) quy về thang điểm 30 + Điểm thưởng (nếu có).”

- Tổng điểm đạt được không vượt quá 30 điểm. Trường hợp Tổng điểm đạt được vượt quá 30 điểm thì sẽ chỉ được tính 30 điểm để xét tuyển.

- Điểm ưu tiên theo khu vực và theo đối tượng thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa các nhóm đối tượng là 1,0 điểm và giữa các khu vực kế tiếp là 0,25 điểm.

- Điểm ưu tiên đối với thí sinh có Tổng điểm đạt được từ 22,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định}$

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành)

Việc phân ngành, chương trình đào tạo đối với thí sinh trúng tuyển và nhập học theo nhóm ngành được thực hiện dựa trên nguyện vọng của sinh viên và chỉ tiêu/năng lực đào tạo của ngành. Trong trường hợp số lượng đăng ký vượt quá chỉ tiêu đăng ký/năng lực đào tạo của ngành, Học viện dựa trên năng lực đào tạo của nhóm ngành, thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu của các ngành trong nhóm để đáp ứng nhu cầu học tập của người học và đảm bảo năng lực đào tạo theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d. Các thông tin khác...

Để được tư vấn đầy đủ về thông tin tuyển sinh năm 2025, liên hệ với số điện thoại: **024.6261.7578** hoặc **0961.926.639 / 0961.926.939**

Địa chỉ liên hệ: Học viện Nông nghiệp Việt Nam; Thị trấn Trâu Quỳ, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Website: www.vnua.edu.vn; <http://tuyensinh.vnua.edu.vn>

Facebook: <https://www.facebook.com/tuyensinhvnua.edu.vn>

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Đăng ký ôn thi kiến thức công nghệ khởi nghiệp

- Đợt 1: Từ 15/2/2025 đến 15/4/2025, thời gian thi dự kiến vào 25-29/4/2025.

Link: <https://forms.gle/AxYdXXQmW8tcesxK8>.

- Đợt 2: Từ 1/5/2025 đến 25/5/2025, thời gian thi dự kiến vào 27-30/5/2025.

Link: <https://forms.gle/hkyjLEzrLJmnbNjT6>.

- Đợt 3: Từ 01/6/2025 đến 05/7/2025, thời gian thi dự kiến vào 08-10/7/2025.

Link: <https://forms.gle/yan7L5oDu7RW62Yt5>

6.2. Đăng ký tham gia xét các chính sách ưu đãi

Học viện có chính sách học bổng đa dạng nhằm khuyến khích học tập, hỗ trợ sinh viên tài năng và giúp đỡ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Ngoài ra, Học viện còn hợp tác với nhiều doanh nghiệp và cung cấp cơ hội du học quốc tế cho sinh viên xuất sắc.

Thí sinh đăng ký để nhận được các thông tin tư vấn đối với Tân sinh viên khóa 70 của Học viện như sau:

* Thời gian: Từ 01/03/2025 đến 29/04/2025

* Hình thức: Truy cập và đăng ký tại link sau:

<https://forms.gle/qFH66D7o37Fppgz9>

6.3. Thời gian xét tuyển

a. Phương thức 1 (Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển) và **Phương thức 2:** Xét tuyển học sinh giỏi THPT và có thành tích vượt trội

Thí sinh nộp hồ sơ về Học viện bao gồm cả minh chứng kỳ được xếp loại giỏi, kết quả xếp loại học tập cả năm lớp 12, ưu tiên, thành tích vượt trội trước trước 17 giờ 00 ngày 30/6/2025

b. Phương thức 3 (Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025) và **Phương thức 4** (Xét học bạ).

Thời gian xét tuyển được thực hiện theo quy định, lịch trình của Bộ GD&ĐT và theo Đề án tuyển sinh của Học viện Nông nghiệp Việt Nam.

Thí sinh cần đăng ký xét tuyển theo thời gian dưới đây và bổ sung đầy đủ thông tin, minh chứng theo yêu cầu của phương thức xét tuyển, bao gồm cả minh chứng ưu tiên, minh chứng điểm thưởng (nếu có):

TT	Nội dung	Thời gian
1	Đăng ký và bổ sung thông tin xét tuyển	05/05 – 20/07/2025
2	Thông báo kết quả xét tuyển	Cùng đợt xét tuyển của Bộ Giáo dục và đào tạo

Thí sinh là người nước ngoài được xét tuyển thẳng khi đạt hồ sơ và điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển theo quy định.

Học viện sẽ công bố thời gian xác nhận nhập học/nhập học đối với thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển trong Giấy báo đủ điều kiện trúng tuyển đăng tải thông tin trên website:

<http://daotao.vnua.edu.vn/#/dkxettuyen> và <https://tuyensinh.vnua.edu.vn>.

6.4. Đăng ký xét tuyển

Thí sinh cần đăng ký xét tuyển đúng thời gian quy định và nộp đầy đủ các thông tin, minh chứng theo yêu cầu của từng phương thức xét tuyển, bao gồm: xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển thẳng, kỳ được xếp loại giỏi, kết quả học tập cả năm lớp 12 xếp loại khá trở lên, thành tích vượt trội; điểm thưởng, điểm ưu tiên,... để đảm bảo đủ điều kiện theo quy định của Học viện.

- **Phương thức 1** (Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển thẳng): Thí sinh đăng ký theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.
- **Phương thức 2** (Tuyển học sinh giỏi và có thành tích vượt trội): sử dụng **phiếu “PHIẾU TT”** và các *minh chứng đi kèm gồm: bản sao/ảnh chụp/scan các giấy tờ CCCD, học bạ THPT và minh chứng cho thành tích vượt trội.*
- **Phương thức 3** (Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT): theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- **Phương thức 4** (Xét học bạ) và **Điểm thưởng** (nếu có) cho Phương thức 3 và phương thức 4: sử dụng **phiếu “PHIẾU HB”** và các *minh chứng đi kèm gồm: bản sao/ảnh chụp/scan các giấy tờ CCCD, học bạ lớp 12 và minh chứng các thành tích nổi bật để quy đổi thành điểm thưởng.*

Ghi chú: Thí sinh đã đăng ký xét tuyển đại học năm 2025 vào Học viện bắt buộc phải đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo đúng thời gian và hướng dẫn của Bộ.

7. Chính sách ưu tiên

Học viện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển các nhóm đối tượng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Học viện nhận vào học có điều kiện đối với những trường hợp dưới đây:

(1) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ hoặc thí sinh 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam Bộ hoặc thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo (học sinh học phổ thông dân tộc nội trú tính theo nơi thường trú) theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được nhận vào học các ngành thuộc nhóm ngành Nông nghiệp và Thủy sản và các nhóm ngành khác khi có học lực đạt loại khá ít nhất 1 năm tại các trường THPT.

(2) Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt (hoặc Tiếng Anh đối với các chương trình giảng dạy bằng Tiếng Anh) đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

- Học phí được thực hiện theo lộ trình và quy định của Nhà nước

STT	Nhóm ngành	Mức học phí hiện tại (triệu đồng/năm)
1	Nhóm ngành nông, lâm, thủy sản (Khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, Nông nghiệp, Chăn nuôi, Nuôi trồng thủy sản, Kinh tế nông nghiệp....)	17.40

2	Nhóm ngành KHXH và quản lý (Kinh tế, Quản lý đất đai, Kế toán, QTKD, XHH, Ngôn ngữ anh....)	16.64
3	Kỹ thuật và công nghệ (CNSH, CNTT, Cơ điện, Môi trường....)	19,36 - 20,53
4	Thú y	19.80
5	Chương trình quốc tế (dạy bằng tiếng anh)	33,28 - 39,60

- Lệ phí xét tuyển: thực hiện theo quy định.

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh: thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Học viện

10. Các nội dung khác: Điều kiện, môi trường học tập và các hoạt động hỗ trợ sinh viên

10.1. Hoạt động hỗ trợ tìm kiếm việc làm

Học viện đã hợp tác với hơn 200 doanh nghiệp (Công ty CP Tập đoàn Pan Group, Công ty CP Tập đoàn ThaiBinh Seed, Công ty CP CodeLovers Việt Nam, Công ty TNHH Điện Stanley Việt Nam, Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam, Công ty CP Thực phẩm Đồng Giao, Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam, Công ty TNHH Sunjin Việt Nam,...) để bố trí việc làm cho sinh viên. Hàng năm, Học viện tổ chức Ngày hội việc làm với sự tham gia của từ 60 đến 100 doanh nghiệp, giải quyết việc làm cho từ 4.000 đến 6.000 sinh viên. Theo kết quả khảo sát, trên 97% sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp hoặc tự khởi nghiệp.

<https://www.vnua.edu.vn/timkiemvieclam>

10.2. Hỗ trợ học bổng

Học viện dành gần 30 tỷ đồng/1 năm để cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên có kết quả học tập, kết quả rèn luyện đạt từ loại khá trở lên. Ngoài ra, Học viện hợp tác với hơn 200 doanh nghiệp để cấp gần 3 tỷ đồng/1 năm học bổng tài trợ cho sinh viên tài năng, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn vươn lên trong cuộc sống. Trong năm 2025, Học viện dành gần 1.800 suất học bổng chào đón tân sinh viên khóa 70 với tổng giá trị gần 30 tỷ đồng, trong đó có 03 suất học bổng du học nước ngoài tại Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Tây Nam, Trung Quốc.

<https://vnua.edu.vn/hocbong>

10.3. Đội ngũ giảng viên, cán bộ, viên chức

Học viện có đội ngũ giảng viên giàu kinh nghiệm, tâm huyết với nghề, được đào tạo bài bản tại các nước có nền khoa học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Gần

100 giảng viên được phong hàm giáo sư, phó giáo sư; hơn 360 giảng viên có học vị tiến sĩ; nhiều giảng viên được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Nhân dân, Nhà giáo Ưu tú, giải thưởng Kovalevskaya,... Đặc biệt, trên 90% giảng viên của Học viện được đào tạo ở các nước có nền khoa học tiên tiến trong khu vực và trên thế giới như: Hoa Kỳ, Úc, Nhật Bản, Hà Lan... <https://www.vnua.edu.vn/canbovienchuc>

10.4. Cơ sở vật chất

Học viện có khuôn viên rộng, xanh, sạch, đẹp nhất Thủ đô với diện tích gần 200ha và hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, gồm: gần 170 phòng học thông minh, 52 phòng thí nghiệm (trong đó có 6 phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn ISO), 82 mô hình khoa học công nghệ..... Đặc biệt, Học viện thành lập Trung tâm Nghiên cứu xuất sắc và Đổi mới sáng tạo với 20 phòng nghiên cứu hiện đại, chuyên sâu, đây là nơi hoạt động của các nhóm Nghiên cứu tinh hoa, Nghiên cứu xuất sắc, Nghiên cứu mạnh với mục tiêu tạo ra các sản phẩm đột phá cho ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn. Thư viện của Học viện có gần 30.000 đầu sách, tạp chí và kết nối với thư viện của nhiều trường đại học nổi tiếng trên thế giới; khu ký túc xá của Học viện khang trang, đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho gần 5.000 sinh viên; khu liên hợp thể thao đa dạng với hệ thống sân cỏ nhân tạo, phòng tập gym, hệ thống sân golf.

<https://vnua.edu.vn/cosovatchat>

10.5. Nghiên cứu khoa học

Học viện luôn khuyến khích và dành nguồn kinh phí cho sinh viên nghiên cứu khoa học, rèn khả năng tư duy sáng tạo và vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề của thực tiễn cuộc sống. Học viện có đội ngũ giáo sư, tiến sĩ đầu ngành, có năng lực và tích lũy được nhiều kinh nghiệm nghiên cứu từ các trường đại học, viện nghiên cứu danh tiếng trên thế giới. Nhiều hướng nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang được triển khai, hỗ trợ cho hoạt động đào tạo.

<https://www.vnua.edu.vn/nghiencuukhoahoc>

10.6. Hợp tác quốc tế

Học viện đã ký biên bản ghi nhớ, chương trình hợp tác với hơn 200 trường đại học, viện nghiên cứu, tổ chức quốc tế. Năm 2022, Giám đốc Học viện vinh dự được tháp tùng Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính, Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ đi thăm và làm việc với nhiều quốc gia trên thế giới, ký kết hợp tác chiến lược với nhiều trường đại học, tập đoàn của Hà Lan, Bỉ, Úc, New Zealand..., từ đó mở ra cơ hội tìm kiếm học bổng, giao lưu quốc tế cho sinh viên Học viện.

<https://www.vnua.edu.vn/hoptacquocte>

10.7. Trang bị kỹ năng mềm cho sinh viên

Thực hiện phương châm “đào tạo sinh viên phát triển toàn diện”, ngoài kiến thức chuyên môn, tin học, ngoại ngữ, Học viện quan tâm đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên gồm: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng quản lý bản thân, kỹ năng tìm kiếm việc làm, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng hội nhập quốc tế, kỹ năng khởi nghiệp, kỹ năng làm việc với các bên liên quan...

Đối với học sinh lớp 12, Học viện dành nhiều khóa học miễn phí với thời gian học tập linh hoạt, phù hợp với nguyện vọng và đăng ký của học sinh. Học sinh vui lòng đăng ký tham gia khóa học TẠI ĐÂY. <https://forms.gle/ohdkiL9mMM1efPoD9>

Học sinh tham gia khóa học sẽ được cấp giấy chứng nhận tham gia khóa học. Học sinh nhập học tại Học viện sẽ được xem xét miễn môn học kỹ năng mềm tương ứng.

<https://www.vnua.edu.vn/kynangmem>

10.8. Hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

Trong những năm qua, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, Học viện Nông nghiệp Việt Nam đặc biệt quan tâm đến công tác khởi nghiệp. Từ năm 2014 đến nay, Học viện đã tổ chức 10 Cuộc thi Khởi nghiệp nông nghiệp, thu hút 1.550 dự án tham gia từ hàng trăm trường đại học, cao đẳng, trung học phổ thông, các địa phương (trong đó trên 50% dự án là của sinh viên Học viện). Trong 10 năm qua, sinh viên của Học viện đã dành 5 giải nhất Cuộc thi Khởi nghiệp Quốc gia và nhiều giải thưởng khác. Nhiều ý tưởng, dự án đã phát triển thành các doanh nghiệp có vị trí trong cộng đồng thanh niên khởi nghiệp và có nhiều đóng góp cho xã hội. Năm 2023, Học viện được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) vinh danh là 01 trong 03 trường tiêu biểu xây dựng "Hệ sinh thái khởi nghiệp".

<https://www.vnua.edu.vn/khoinghiep>

10.9. Hoạt động đoàn thể

Tại Học viện, sinh viên có thể tham gia các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, hoạt động hỗ trợ học tập (Cuộc thi Olympic Tiếng Anh, Olympic Tin học, Cuộc thi nhà vô địch điểm A...), hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao (Giải bóng đá nam sinh viên truyền thống, Giải bóng chuyền mở rộng, Chương trình văn nghệ chào đón tân sinh viên...), hoạt động tình nguyện vì cộng đồng (tình nguyện địa phương, tình nguyện bảo vệ môi trường, phong trào hiến máu tình nguyện...). Học viện thành lập và phát triển hoạt động của 70 câu lạc bộ đội nhóm hoạt động trên tất cả các lĩnh vực như: Câu lạc bộ Skybooks, Câu lạc bộ bóng rổ, Câu lạc bộ sinh viên nghiên cứu khoa học, Câu lạc bộ văn nghệ...

<https://www.vnua.edu.vn/doanthu>

10.10. Hoạt động văn hóa, thể thao

Theo học tại Học viện, sinh viên được học tập nhiều môn học giáo dục thể chất, tham gia nhiều cuộc thi đấu thể thao, âm thực, văn - thể - mỹ... Năm 2025, Học viện mở nhiều khóa học thể thao cho sinh viên lựa chọn: Bóng chuyền, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Cờ vua, Zumba, Thể dục Aerobic, Điền kinh, Khiêu vũ thể thao, Golf, Yoga với sự tham gia giảng dạy của các thầy, cô có kiến thức, kỹ năng và giàu kinh nghiệm.

Để Học viện chuẩn bị điều kiện học tập tốt nhất cho sinh viên khóa 70, học sinh vui lòng cung cấp thông tin sở thích thể thao/văn hóa TẠI ĐÂY.

<https://forms.gle/q9okeBtrfU3wiDFXA>

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	
Thú y												
1	HVN01	Thú y	7640101	Thú y	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	670	680	HB: 22 THPT: 190 KH: 24	500	507	HB: 22 THPT: 19 KH: 22	Ngành Thú y
Nông, lâm nghiệp và thủy sản												
1	HVN02	Chăn nuôi thú y - Thủy sản	7620106	Chăn nuôi thú y	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	195	192	HB: 21 THPT: 17 KH: 22	185	176	HB: 21 THPT: 17 KH: 21	Gồm các ngành : Chăn nuôi, Chăn nuôi thú y, Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản (Thú y thủy sản)
2	HVN03	Nông nghiệp và Cảnh quan	7620110	Khoa học cây trồng	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	160	144	HB: 21 THPT: 17 KH: 22	165	152	HB: 21 THPT: 17 KH: 21	Gồm các ngành : Khoa học cây trồng, Bảo vệ thực vật (Bác sĩ cây trồng), Nông nghiệp Công nghệ cao, Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan, Kinh tế nông nghiệp, Khoa học đất
Công nghệ kỹ thuật												
1	HVN04	Công nghệ kỹ thuật ô tô và Cơ điện tử	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ	535	533	HB: 22 THPT: 18 KH: 24	375	383	HB: 21 THPT: 24 KH: 21	Gồm các ngành: Công nghệ kỹ thuật

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	
												ô tô, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử
2	HVN07	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	- Xét THPT - Xét kết hợp - Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	630	634	HB: 24 THPT: 25.25 KH: 25	570	852	HB: 21 THPT: 24.5 KH: 21	Ngành : Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng
Kỹ thuật												
1	HVN05	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Kỹ thuật cơ khí	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	155	156	HB: 22 THPT: 18 KH:24	65	62	HB: 21 THPT: 22 KH: 21	Ngành : Kỹ thuật cơ khí
2	HVN06	Kỹ thuật điện, Điện tử và Tự động hóa	7520201	Kỹ thuật điện	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	271	268	HB: 22 THPT: 22.5 KH: 25	215	214	HB: 21 THPT: 23 KH: 21	Gồm các ngành : Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
Kinh doanh và quản lý												
1	HVN08	Kế toán, Quản trị kinh doanh và Thương mại	7340301	Kế toán	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	2270	2276	HB: 21 THPT: 18 KH: 22	1765	1801	HB: 21 THPT: 22.5 KH: 21	Gồm các ngành: Kế toán, Tài chính- Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Quản lý phát triển nguồn nhân lực, Quản lý và phát triển du lịch, Thương mại điện tử

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	
												(Thương mại quốc tế)
Khoa học sự sống												
1	HVN09	Công nghệ sinh học và Công nghệ dược liệu	7420201	Công nghệ sinh học	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	145	143	HB: 21 THPT: 18 KH: 22	120	113	HB: 21 THPT: 18 KH: 21	Gồm các ngành: Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh học, Công nghệ sinh dược
Sản xuất và chế biến												
1	HVN10	Công nghệ thực phẩm và Chế biến	7540101	Công nghệ thực phẩm	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	450	459	HB: 23 THPT: 19 KH: 23	325	327	HB: 23 THPT: 19 KH: 23	Gồm các ngành: Công nghệ thực phẩm, Công nghệ và kinh doanh thực phẩm
Khoa học xã hội và hành vi												
1	HVN11	Kinh tế và Quản lý	7310101	Kinh tế	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	610	616	HB: 21 THPT: 18 KH: 23	595	608	HB: 21 THPT: 18 KH: 21	Gồm các ngành: Kinh tế, Kinh tế tài chính, Kinh tế đầu tư, Kinh tế số, Quản lý kinh tế
2	HVN12	Xã hội học	7310301	Xã hội học	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	115	116	HB: 21 THPT: 18 KH: 22	70	69	HB: 21 THPT: 17 KH: 21	Ngành: Xã hội học
Pháp luật												
1	HVN13	Luật	7380101	Luật	- Xét tuyển thẳng	240	239		195	194		Ngành: Luật (Luật kinh tế)

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhậ p học	Điểm trúng tuyển/Than g điểm xét (30 điểm)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Than g điểm xét (30 điểm)	
Máy tính và công nghệ thông tin												
1	HVN1 4	Công nghệ thông tin và Kỹ thuật số	748020 1	Công nghệ thông tin	- Xét tuyển thắng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	550	549	HB: 22 THPT: 19 KH: 23	715	724	HB: 21 THPT: 22 KH: 21	Gồm các ngành: Công nghệ thông tin, Khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu
Môi trường và bảo vệ môi trường												
1	HVN1 5	Quản lý đất đai, Bất động sản và Môi trường	785010 3	Quản lý đất đai	- Xét tuyển thắng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	260	263	HB: 21 THPT: 16.5 KH: 22	155	149	HB: 21 THPT: 17 KH: 21	Gồm các ngành: Quản lý đất đai, Quản lý bất động sản, Quản lý tài nguyên và môi trường
Khoa học tự nhiên												
1	HVN1 6	Khoa học Môi trường	744030 1	Khoa học môi trường	- Xét tuyển thắng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	15	15	HB: 21 THPT: 17 KH: 22	20	17	HB: 21 THPT: 16.5 KH: 21	Ngành: Khoa học môi trường
Nhân văn												
1	HVN1 7	Ngôn ngữ Anh	722020 1	Ngôn ngữ Anh	- Xét tuyển thắng - Xét Học bạ	335	334	HB: 21 THPT: 18 KH: 22	245	247	HB: 21 THPT: 20 KH: 21	Ngành: Ngôn ngữ Anh

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh - Xét THPT - Xét kết hợp	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét (30 điểm)	
Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên												
1	HVN18	Sư phạm Công nghệ	7140246	Sư phạm công nghệ	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	20	20	HB: 24 + Giỏi lớp 12/điểm xét TN 8 trở lên THPT: 22.25 KH: 25 + Giỏi lớp 12/điểm xét TN 8 trở lên	20	12	HB: giỏi lớp 12/điểm xét TN 8 trở lên THPT: 19 KH: giỏi lớp 12/điểm xét TN 8 trở lên	Ngành: Sư phạm Công nghệ
Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân												
1	HVN19	Du lịch	7810101	Du lịch	- Xét tuyển thẳng - Xét Học bạ - Xét THPT - Xét kết hợp	-	-	-	-	-	-	Ngành: Du lịch

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

Ngày 25 tháng 6 năm 2025
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Công Tiệp